

“TRƯỜNG HÀNH ĐỘNG” TRONG TÂM LÝ HỌC DẠY HỌC VÀ VẬN DỤNG VÀO ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

○ THS. NGUYỄN QUANG NHỮ*

Trong Tâm lý học dạy học (TLHDH) có một vấn đề hết sức quan trọng, đó là «Trường hành động» (THĐ). THĐ quan trọng đối với mọi người trong cuộc sống nói chung và đặc biệt là đối với giáo viên (GV) trong dạy học (DH) nói riêng.

Để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của cá nhân (từ đó dẫn đến sự tồn tại và phát triển của tập thể, cộng đồng, xã hội), con người ta cần đến ba loại hành vi, thuộc ba lĩnh vực khác nhau, đó là: 1) Hành vi, ở bên trong cơ thể, chỉ liên quan đến các mối quan hệ bên trong của các yếu tố tham gia vào hành vi đó. Ví dụ, hoạt động của các cơ bắp, của các cơ quan nội tạng (đói, khát thì tìm ăn, tìm uống...); 2) Hành vi trong mối quan hệ giữa chủ thể với thế giới bên ngoài, trước hết là những hành vi thích ứng, được thực hiện bằng «cơ chế tự động», đáp ứng ngay được những điều kiện bên ngoài. Những hành vi này có được chủ yếu do «tập nhiễm», do kinh nghiệm sống mà có. Ví dụ, bất chước dùng tay khi ăn uống, bị bay vào mắt thì lấy tay dụi,...; 3) Những hành vi không có sẵn cơ chế thích nghi. Ví dụ, lần đầu tiên chủ thể gặp sự cố chập điện chẳng hạn thì không thể biết xử lý như thế nào cho hợp lý, hiệu quả (không thể biết phải ngắt cầu dao điện hay gọi điện tới số 114 để báo;...).

Hai loại hành vi đầu chủ yếu thuộc phần «con» (những hành vi có tính chất tự nhiên, bản năng). Loại hành vi thứ ba thuộc phần «người» (những hành vi chỉ do được học tập, được giáo dục, rèn luyện mà có).

Có hai vấn đề liên quan đến loại hành vi thứ ba này, đó là: - Có những cơ chế có sẵn có thể phục vụ nổi những nhiệm vụ mới, tức là đáp ứng được, thích nghi được đối với những kích thích mới trong những điều kiện mới, đó là phản xạ có điều kiện của hoạt động thần kinh cấp cao (ví dụ, bị lửa hay vật nóng chạm vào tay thì rút tay

lại, bị bụi bay vào mắt thì chớp chớp mắt,...); - Nếu trong điều kiện mới này, những cơ chế có sẵn trở nên bất lực, thì, về mặt nguyên tắc, phải tạo ra một cơ chế mới để thích nghi, nếu không sẽ không tồn tại hoặc không phát triển (ví dụ, không phải bụi mà là một vật cứng nào đó bay vào mắt, chớp chớp mắt mãi vật cứng vẫn không ra thì không thể cứ chớp chớp mắt mãi được mà phải nhờ đến người khác, phải nhờ đến bác sĩ mới chẳng hạn).

Quá trình phát triển của con người, về bản chất, là quá trình hình thành những cơ chế mới để thích nghi. Trong quá trình phát triển về sau, những cơ chế mới đó trở thành cũ, trở thành phương tiện để hình thành cơ chế mới khác. Và như vậy, loại hành vi thứ ba (loại hành vi thuộc phần «người») là đối tượng, là nhiệm vụ của Tâm lý học nói chung, của TLHDH nói riêng. Cụ thể hơn, nghiên cứu và tổ chức quá trình hình thành các cơ chế mới, nhằm phục vụ hành vi của con người, giúp họ thích ứng tốt hơn với những điều kiện mới trong cuộc sống (quá trình phát triển) là nhiệm vụ của Tâm lý học nói chung và của TLHDH nói riêng.

Trong điều kiện mới (tình huống mới) mà những cơ chế (phương thức) có sẵn không giúp chủ thể tìm ra được cách xử trí thích hợp thì chủ thể sẽ bị bế tắc (cũng có nghĩa là không phát triển). Tình huống ấy gọi là tình huống «có vấn đề». Muốn không bế tắc, muốn phát triển thì chủ thể buộc phải có cách thức (phương pháp) xử lý tình huống thích hợp (giải quyết vấn đề).

Một tình huống bất kì tự nó không bao hàm tính chất «có vấn đề» hay «không có vấn đề». Nó chỉ trở thành «có vấn đề» khi có hành vi của chủ thể tác động vào. Không thể nói rằng, tình huống ấy buộc phải có hành vi ấy, hay hành vi ấy đã tạo ra tình huống ấy. Cả hai quy định lẫn nhau

* Bộ Giáo dục và Đào tạo

và tạo ra một cơ cấu. Chính cơ cấu này buộc tình huống phải trở nên cụ thể hơn và hành vi của chủ thể cũng bị hạn chế bởi những điều kiện cụ thể ấy. Cơ cấu này gọi là THĐ.

THĐ bao gồm hai yếu tố là chủ thể (con người) và các đối tượng (thời gian, không gian, đồ vật, công cụ, người khác,...). Bình thường, các đối tượng trên tồn tại một cách «hững hờ» nhưng trong tình huống «có vấn đề» thì những đối tượng nào được chủ thể lựa chọn sẽ cùng với chủ thể tạo ra THĐ. Xin nêu một ví dụ nhỏ, «thò thẩn» trong thực tế cuộc sống hàng ngày để chúng ta dễ hình dung hơn về THĐ như sau: Bạn đi xe máy đến địa điểm A gần cơ quan thì xe bị thủng săm. Xe của bạn thủng săm hay không thì như mọi ngày, tại A vẫn có bà già bán quán nước quen thuộc, vẫn có ông lão về hưu sửa xe đạp ở đó, vẫn có nhà máy người bạn thân, vẫn có bến xe buýt,... nhưng tất cả đều «hững hờ» (bạn chẳng để ý lắm). Hôm nay có công việc rất quan trọng ở cơ quan nhưng xe lại bị thủng săm, buộc bạn phải suy tính để có hành động phù hợp, để đến cơ quan đúng giờ (tình huống có vấn đề). Khi đó, ông lão sửa xe đạp, nhà bạn thân, bà già bán quán nước, bến xe buýt sẽ được bạn lựa chọn và cùng với bạn tạo thành THĐ (bạn có thể sửa xe, gửi xe hoặc đi xe buýt để đến cơ quan chẳng hạn). Cũng cần lưu ý rằng, mỗi đối tượng trên có rất nhiều thuộc tính, nhưng bạn (chủ thể) chỉ lựa chọn những thuộc tính quan trọng, có lợi để cùng với bạn, tạo thành THĐ, giúp bạn giải quyết tốt nhất vấn đề để đạt mục đích mà thôi (ví dụ, bạn chỉ cần biết ông lão và được săm xe hoặc bà già bán quán nước, bạn thân có thể cho bạn gửi xe mà không cần biết ông, bà, bạn thân ấy bao nhiêu tuổi, sức khoẻ thế nào, nhà giàu hay nghèo,...).

Vận dụng trong thực tiễn dạy học ở trường tiểu học

DH là một hoạt động (HD) bao gồm thống nhất giữa hoạt động dạy (HDD) của GV và hoạt động học (HĐH) của HS, gọi là hoạt động dạy học (HDDH) hay gọi tắt là DH/D-H (dạy - học).

Trong HDD, chủ thể là GV và đối tượng là nhân cách HS. Trong HĐH, chủ thể là HS và đối tượng là những tri thức, kĩ năng, kĩ xảo (được quy định trong chương trình, trong chuẩn kiến thức và kĩ năng, trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày). Bài viết này không phân tích sâu về bản chất, đặc điểm,

mối quan hệ,... của HDD, HĐH, HDDH mà chỉ nêu một số vấn đề liên quan đến THĐ đối với HDD của GV và đối với HĐH của HS mà thôi.

Chúng ta đều biết, quá trình DH là quá trình GV chủ động tổ chức, hướng dẫn, giúp HS bằng HD của mình chiếm lĩnh đối tượng của HĐH. Quá trình này bao gồm rất nhiều các tình huống có vấn đề do GV chủ động tạo ra hoặc nảy sinh trong thực tế DH. Trong mỗi tình huống ấy, GV phải khéo léo (nghệ thuật DH) giúp HS xác định THĐ của mình, đồng thời giúp HS tự tìm ra cách giải quyết vấn đề (cách giải quyết nhiệm vụ học tập hay cách học). Cần phân biệt rõ, THĐ của GV và cách giải quyết vấn đề của GV (cách dạy hay phương pháp DH) khác với THĐ của HS và cách giải quyết vấn đề của HS (cách học).

GV cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của lớp học, mục tiêu của tiết học, bài học mà lựa chọn hình thức và phương pháp tổ chức DH phù hợp. Đặc biệt, GV cần chú ý tới trình độ các nhóm đối tượng HS (DH theo nhóm đối tượng), chú ý tới trình độ từng HS (DH cá thể hoá) để chủ động giúp các em xác định THĐ phù hợp (trước hết là giao nhiệm vụ học tập phù hợp) và từ đó giúp các em tự giải quyết vấn đề. Việc nắm trình độ HS để giúp các em xác định THĐ là cực kì quan trọng, đảm bảo DH phù hợp đối tượng, đảm bảo khai thác tối đa tiềm năng của HS mà vẫn «không quá sức, không quá tải», vẫn đảm bảo đạt được mục tiêu của HĐH, vẫn đảm bảo đạt được mục tiêu của HDD và đạt được mục tiêu của HDDH.

Tóm lại, THĐ và các đối tượng trong THĐ do con người lựa chọn, giúp con người hành động đạt kết quả tốt hơn. Vận dụng kiến thức về THĐ trong DH là tích cực góp phần thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục ở tiểu học, là tích cực góp phần thực hiện thống nhất Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 phê duyệt theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ. □

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Ngọc Đại. Tâm lí học dạy học. NXB Giáo dục. H, 1983.
2. Hồ Ngọc Đại. Bài học là gì? NXB Giáo dục. H, 1985.
3. Hồ Ngọc Đại. Giải pháp giáo dục. NXB Giáo dục. H, 1991.

(Xem tiếp trang 16)

công nghệ và thông tin, ngoại ngữ, luật, kinh tế, giao thông vận tải,... Một số GD có điều kiện kinh tế đã không tiếc công sức, tiền của để đào tạo cho con và có kiến thức đa dạng và có chuyên môn sâu, có nhiều khả năng tiến thân trong nghề nghiệp.

Các GD trí thức có thông tin và sự hiểu biết về ngành nghề sâu sắc nên sự định hướng nghề nghiệp của họ đối với con cái thường thuận lợi hơn và tốt hơn so với các GD còn lại. Tương tự như vậy, các GD sống ở khu vực đô thị cũng dễ dàng tiếp cận các nguồn thông tin hơn nên việc định hướng nghề nghiệp cho con cái họ cũng dễ dàng hơn so với các GD ở nông thôn.

Thông thường, cha mẹ định hướng nghề nghiệp cho con dựa trên sở trường và lực học của con trong thời gian học phổ thông; hoặc định hướng cho con học những nghề mà GD có truyền thống (chẳng hạn, cha làm doanh nghiệp thì GD hướng cho con thi vào các ngành kinh tế, tài chính; GD có cha hoặc mẹ làm giáo viên thì cũng hướng một trong các con học theo ngành sư phạm,...). Ở đây cũng cần lưu ý, giới tính của con cũng sẽ bị ảnh hưởng trong định hướng nghề nghiệp (chẳng hạn, con gái thường được định hướng học các ngành thể hiện sự nhẹ nhàng và phù hợp với giới tính của họ: sư phạm, khoa học xã hội nhân văn, ngôn ngữ; còn con trai thường học các ngành khoa học kỹ thuật, kinh tế,...).

Bảng 2 cho thấy, cả cha và mẹ sẽ là người định hướng nghề nghiệp cho con chiếm vị trí cao nhất (63,0%). Rõ ràng nghề nghiệp của con trong tương lai sẽ phụ thuộc rất nhiều vào định hướng của cha mẹ. Vì thế, cha mẹ luôn trăn trở, suy nghĩ trong việc lựa chọn ngành nghề phù hợp với con cái của mình.

Người bố có vai trò định hướng nghề nghiệp cao hơn hẳn so với người mẹ (33,4% người bố định hướng nghề nghiệp cho con trai và 23,5% cho con gái, trong khi đó người mẹ chỉ định hướng nghề nghiệp cho con trai chỉ chiếm 9,0% và cho con gái là 10,3%). Như vậy, người cha có tầm quan trọng hơn trong việc định hướng

nghề nghiệp cho con cái trong GD. Người cha định hướng nghề nghiệp cho con trai cao hơn so với con gái, trong khi đó người mẹ lại định hướng nghề nghiệp cho con gái nhiều hơn so với con trai.

Những người khác trong GD (ông bà, anh chị, họ hàng) định hướng nghề nghiệp cho con cái trong GD chiếm một tỉ lệ rất nhỏ (ở mức 3,0% đối với con trai và 3,2% đối với con gái).

• • •

GD có vai trò quan trọng trong việc giáo dục trẻ em, được biểu hiện thông qua các hoạt động cụ thể của cha mẹ đối với con cái như đã trình bày ở trên. Điều này thể hiện sự quan tâm của bố mẹ nhằm giáo dục, giúp con cái có định hướng đúng đắn về nghề nghiệp, cuộc sống trong tương lai. □

(1) Dẫn theo Phạm Khắc Chương (chủ biên). Giáo dục gia đình. NXB Giáo dục. H.2000.

SUMMARY

Vietnamese families play an important role in educating children. It is expressed in parents' activities for them. The most popular parents' activities in educating children at that time in Vietnamese families are: parent reunion, helping children study at home, spare time for children, and career orientation for children.

"Trường hành động" trong tâm lý...

(Tiếp theo trang 24)

4. Hồ Ngọc Đại. Giải pháp phát triển giáo dục. NXB Giáo dục. H. 2006.

5. Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.

6. Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 phê duyệt theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

SUMMARY

Where actions and objects in human action selection, action to help people achieve better results. Applying knowledge of the action in teaching is an active part in the renovation of teaching methods in primary schools, in particular, methods of elementary education in general, are actively contributing to successful implementation of the Strategy educational development strategy 2011-2020 approved by Decision No. 711/QĐ-TTg dated 13/06/2012 of the Prime Minister.

	Phân chia	
	Con trai	Con gái
Cha	33,4	23,5
Mẹ	9,0	10,3
Cả cha, mẹ	54,8	83,0
Người khác	3,0	3,2

Bảng 2. Người quyết định vấn đề hướng nghiệp đối với con cái (%)